

Số: /2026/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2026

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

Quy định về chế độ nhuận bút, thù lao đối với các sản phẩm truyền thông cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Báo chí số 126/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xuất bản 2012;

Căn cứ Nghị định số 18/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Nghị định số 49/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hoạt động thông tin cơ sở;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về dự thảo Nghị quyết quy định chế độ nhuận bút, thù lao đối với các sản phẩm truyền thông cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chế độ nhuận bút, thù lao đối với các sản phẩm truyền thông cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chế độ nhuận bút, thù lao đối với các sản phẩm truyền thông cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng được hưởng nhuận bút: Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả sản phẩm truyền thông cấp xã.

b) Đối tượng được hưởng thù lao: Người thực hiện công việc có liên quan đến sản phẩm truyền thông cấp xã.

c) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến sản phẩm truyền thông cấp xã.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Sản phẩm truyền thông cấp xã là những sản phẩm của cấp xã sản xuất như: tin, bài, ảnh, video clip, đồ họa thông tin và các hình thức phù hợp khác để cung cấp, phổ biến thông tin thiết yếu đến người dân thông qua các loại hình thông tin như: Đài truyền thanh cấp xã; bảng tin công cộng; bản tin thông tin cơ sở; tài liệu không kinh doanh phục vụ hoạt động thông tin cơ sở; cổng hoặc trang thông tin điện tử, mạng xã hội, ứng dụng nhắn tin trên Internet được quy định như sau:

- Các chương trình phát thanh do đài truyền thanh cấp xã tự sản xuất.
- Bảng tin công cộng truyền tải thông tin bằng chữ viết, hình ảnh.
- Bản tin thông tin cơ sở được xuất bản dạng bản in hoặc bản điện tử trên cổng hoặc trang thông tin điện tử và các phương tiện thông tin khác.
- Tài liệu không kinh doanh được quy định tại Điều 19 của Nghị định số 49/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024.

2. Nhuận bút là khoản tiền do bên sử dụng tác phẩm trả cho tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả khi các sản phẩm truyền thông được sử dụng.

3. Quỹ nhuận bút là khoản tiền do Ủy ban nhân dân cấp xã trích lập theo dự toán được giao để chi trả nhuận bút, thù lao.

4. Thù lao là khoản tiền do bên sử dụng sản phẩm truyền thông trả cho người thực hiện công việc có liên quan đến sản phẩm truyền thông theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Nguyên tắc chi trả nhuận bút, thù lao

1. Đối với sản phẩm đồng tác giả, tỷ lệ phân chia nhuận bút do các tác giả thỏa thuận.

2. Một sản phẩm sử dụng trên nhiều loại hình truyền thông thì chỉ một lần được tính chi trả nhuận bút, thù lao.

3. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị căn cứ vào quỹ nhuận bút, chất lượng, thể loại, khung hệ số nhuận bút quyết định mức chi nhuận bút cho từng thể loại sản phẩm truyền thông nhưng không vượt quá hệ số tối đa tại khung nhuận bút quy định tại Điều 4 Nghị quyết này.

Điều 4. Nhuận bút, thù lao đối với sản phẩm truyền thông cấp xã

1. Mức chi nhuận bút đối với nội dung của đài truyền thanh cấp xã:

TT	Thể loại	Hệ số tối đa
1	Tin; Thông báo của cấp ủy, chính quyền địa phương	0,5
2	Chương trình phát thanh	4,0

2. Mức chi nhuận bút đối với bản tin thông tin cơ sở, bảng tin công cộng của cấp xã:

TT	Thể loại	Hệ số tối đa
1	Tin	0,5
2	Ảnh	0,5
3	Đồ họa thông tin (tranh, ảnh, Infographic)	1,0
4	Bài, video clip	2,0

3. Cách tính nhuận bút, thù lao cho các sản phẩm truyền thông quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này:

a) Giá trị một đơn vị hệ số nhuận bút bằng 10% mức tiền lương cơ sở áp dụng cho cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (sau đây gọi chung là mức tiền lương cơ sở).

b) Nhuận bút được tính như sau:

Nhuận bút = Mức hệ số nhuận bút x Giá trị một đơn vị hệ số nhuận bút.

c) Tổng số thù lao tối đa không quá 30% tổng số nhuận bút phải trả cho các sản phẩm truyền thông trong năm.

4. Nhuận bút đối với tài liệu không kinh doanh:

a) Tỷ lệ mức chi nhuận bút 12%.

Nhuận bút được tính như sau: Nhuận bút = Tỷ lệ (%) x Giá thành sản xuất x Số lượng in.

Trong đó: Tỷ lệ phần trăm (%) là tỷ lệ trả nhuận bút; giá thành sản xuất là tổng chi phí của tài liệu không kinh doanh không bao gồm chi phí phát hành; Số lượng in là số lượng ghi trong hợp đồng sử dụng tác phẩm.

c) Tài liệu không kinh doanh xuất bản dạng điện tử: Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả căn cứ vào tình hình thực tế, nhu cầu sử dụng thỏa thuận cách tính nhuận bút và mức nhuận bút nhưng không vượt quá mức chi quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

b) Tổng số thù lao tối đa không quá 30% tổng số nhuận bút phải trả trong năm.

Điều 5. Nguồn kinh phí

Kinh phí thực hiện chi trả nhuận bút, thù lao đối với các sản phẩm truyền

thông cấp xã được bố trí từ nguồn kinh phí chi thường xuyên dự ngân sách Nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2026./.

Nơi nhận:

- UB Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Trung tâm Công báo và tin học tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT. VP.

CHỦ TỊCH